

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh về đẩy mạnh CCHC nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương. Trong đó, chú trọng cải thiện nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp, sáng tạo, góp phần cải thiện các chỉ số đánh giá của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến người dân, doanh nghiệp; đổi mới, nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông với mục tiêu thực hiện phi địa giới hành chính trên môi trường điện tử và đa dạng hóa phương thức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Gắn CCHC với nâng cao nhận thức, đổi mới về tư duy; chủ động áp dụng hiệu quả những thành tựu tiên bộ khoa học công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý hành chính nhà nước.

2. Yêu cầu

- CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Công tác chỉ đạo, điều hành phải kịp thời, thống nhất, xuyên suốt từ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành, UBND cấp xã. Triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả, hoàn thành đúng thời gian quy định và bám sát sự chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tiếp tục đổi mới, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (chuyển đổi số) trong hoạt động công vụ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương; Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC bằng nhiều hình thức; thực hiện việc trao đổi, đối thoại với tổ chức, công dân trên các phương tiện truyền thông.

- Xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong hoạt động hành chính của từng cá nhân, cơ quan, đơn vị; xây dựng chương trình, kế hoạch CCHC gắn với ngành, lĩnh vực quản lý và có sự phân công rõ về nhiệm vụ và thời gian thực hiện. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ; đồng thời thực hiện các chính sách đãi ngộ, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hằng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác bình xét thi đua, khen thưởng.

II. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Công tác CCHC tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030 tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách TTHC; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

(Có Phụ lục chi tiết các mục tiêu, nhiệm vụ; phân công chủ trì, phối hợp và thời gian thực hiện cụ thể của từng lĩnh vực kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành CCHC từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo sát sao việc triển khai các nhiệm vụ CCHC, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong toàn tỉnh.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã phải chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai Kế hoạch; xác định CCHC là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng giai đoạn, lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm từng cơ quan, tổ chức, cá nhân; đồng thời thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện.

Sở Nội vụ phát huy vai trò cơ quan thường trực CCHC của tỉnh, chủ động theo dõi, đôn đốc, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả trong thực hiện.

Tổ chức đa dạng hình thức tuyên truyền, phổ biến thông tin nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp về mục tiêu, ý nghĩa của CCHC.

Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân và doanh nghiệp đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

Lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ công làm thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Đẩy mạnh cải cách thể chế, công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

Nâng cao, xác định rõ trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc thực hiện cải cách thể chế; tập trung xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); coi đây là công cụ quan trọng để bảo đảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trên mọi lĩnh vực.

Nâng cao trách nhiệm, tính chủ động của đội ngũ tham mưu công tác văn bản, QPPL; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng xây dựng, soạn thảo, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, lấy người dân làm trung tâm, phù hợp với đặc thù từng giai đoạn, địa bàn, đối tượng. Quan tâm củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, các chuyên trang, chuyên mục trên cổng/trang thông tin điện tử, Zalo, Facebook để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức xã hội.

3. Đẩy mạnh cải cách TTHC

Thường xuyên rà soát TTHC, đề xuất loại bỏ, cắt giảm những TTHC rườm rà, chồng chéo; đơn giản hoá TTHC đối với các TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng thông tin trên các cơ sở dữ liệu quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; tái cấu trúc quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng đơn giản, thuận lợi, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ để giải quyết TTHC; chuẩn hóa biểu mẫu, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết theo

hướng ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện. Công khai quy trình xử lý TTHC minh bạch, hạn chế việc người dân, doanh nghiệp đi lại nhiều lần.

Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh, hệ thống phần mềm chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp... để giảm giấy tờ.

Phát triển các ứng dụng dịch vụ công trên thiết bị di động, giúp phục vụ người dân, doanh nghiệp tra cứu và thực hiện TTHC, thanh toán trực tuyến dễ dàng.

4. Cải cách tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế

Tiếp tục rà soát hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy các sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã gắn với rà soát, tiếp tục sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong các sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo định hướng của Trung ương và chỉ đạo của tỉnh, phù hợp với thực tiễn.

Xây dựng kế hoạch tiếp tục sắp xếp, tinh gọn đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, cơ quan, đơn vị, đặc biệt trong các lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, theo định hướng của Trung ương và của tỉnh; bảo đảm nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, hướng dẫn của Trung ương. Tổ chức thẩm định, xây dựng kế hoạch biên chế, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng cường kiểm tra công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế hằng năm; đưa kết quả thực hiện cải cách tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế vào tiêu chí đánh giá, xếp loại người đứng đầu hằng năm.

5. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho CCHC

Chủ động huy động, bố trí nguồn tài chính và nhân lực để triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ CCHC.

Nâng cao năng lực nghiên cứu, tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác CCHC ở các sở, ngành, địa phương.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

6. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng lấy kết quả, sản phẩm công việc làm thước đo chủ yếu; gắn trách nhiệm cá nhân với hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Có cơ chế, chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực; tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có tinh thần trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo.

7. Đổi mới công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện CCHC

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hàng năm của cơ quan hành chính các cấp theo hướng toàn diện, công khai, minh bạch, gắn với chuyển đổi số.

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước dưới nhiều hình thức, nhất là khảo sát trực tuyến; bảo đảm thông tin khách quan, kịp thời, phục vụ công tác điều hành.

8. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong CCHC

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, các nền tảng số trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 06/CP giai đoạn 2025-2030, tập trung làm sạch các dữ liệu đã số hóa (hộ tịch, đất đai, bảo hiểm...) và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, cắt giảm thành phần hồ sơ TTHC có liên quan để đem lại tiện ích cho người dân.

Tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức; tiếp tục xây dựng mô hình thí điểm các tiện ích Đề án 06/CP tại địa phương để rút kinh nghiệm và nhân rộng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các Sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách địa phương để triển khai Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, UBND các xã, phường:

- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch để tổ chức thực hiện, đảm bảo đúng lộ trình cải cách của tỉnh và của Chính phủ.

- Lập dự toán kinh phí để thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ CCHC đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Đảm bảo chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC, kiểm soát TTHC theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ bưu chính công ích nhằm tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại cho người dân và doanh nghiệp.

2. Sở Nội vụ

- Làm nhiệm vụ cơ quan thường trực của Tổ Công tác về CCHC bảo đảm các điều kiện cần thiết và tham mưu các hoạt động của Tổ công tác.

- Chủ trì triển khai các nội dung: tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; cải cách chế độ công vụ.

- Hướng dẫn các cơ quan, địa phương xây dựng kế hoạch CCHC hằng năm và báo cáo CCHC định kỳ hoặc đột xuất; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch; báo cáo Chính phủ, Bộ Nội vụ theo quy định.

- Triển khai đánh giá, xác định Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng đối với các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC.

- Kết thúc giai đoạn 2026 - 2030, tham mưu UBND tỉnh tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch.

3. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, triển khai nội dung cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, tổng hợp việc triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Chủ trì, tham mưu triển khai, đánh giá hiệu quả công tác truyền thông về cải cách TTHC.

- Chủ trì, tham mưu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Bộ phận Một cửa các cấp;

- Chủ trì, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đảm bảo thông suốt, ổn định.

- Theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND, Chủ tịch UBND giao.

- Vận hành có hiệu quả chuyên mục CCHC trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; thường xuyên đăng tải tin bài tuyên truyền công tác CCHC, cải cách TTHC của tỉnh, qua đó tăng lượng tương tác, truy cập đến chuyên mục CCHC.

4. Sở Tư pháp

- Chủ trì, tham mưu xây dựng Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản và công tác pháp chế hàng năm.

- Mỗi năm lựa chọn ít nhất 02 lĩnh vực để tổ chức theo dõi thi hành pháp luật, trong đó tập trung vào lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm và nhiều vướng mắc, bất cập.

- Chủ trì, tham mưu Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật hằng năm; tham mưu thực hiện, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai nhiệm vụ cải cách thể chế.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh.
- Chủ trì, triển khai nhiệm vụ đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.
- Chủ trì, tham mưu UBND, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh; đảm bảo sử dụng có hiệu quả kết quả Chỉ số PCI.
- Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC hàng năm. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC.
- Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND cấp xã triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2025-2030 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Làm nhiệm vụ cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Bắc Ninh; bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của Ban Chỉ đạo và tham mưu các hoạt động của Tổ công tác.
- Làm nhiệm vụ cơ quan thường trực của Tổ Công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm các điều kiện cần thiết và tham mưu các hoạt động của Tổ công tác.
- Tiếp tục duy trì, quản trị, vận hành và hỗ trợ các đơn vị khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung tại Trung tâm THDL tỉnh; tiếp tục vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC), Kho dữ liệu số tỉnh hoạt động ổn định.

7. Sở Y tế

- Triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ y tế công đạt tối thiểu 90% vào năm 2030.
- Đề xuất các giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ giáo dục công đạt tối thiểu 90% vào năm 2030. Tỷ lệ nhà trường, các cơ sở giáo dục đáp ứng so với mong đợi của người dân đạt trên 97% vào năm 2030.

- Triển khai đúng lộ trình các chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030 nhằm hoàn thành các mục tiêu CCHC của ngành, của tỉnh.

9. Công an tỉnh

- Làm nhiệm vụ cơ quan thường trực của Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06; bảo đảm các điều kiện cần thiết và tham mưu các hoạt động của Tổ công tác.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả "Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục các giải pháp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả cải cách TTHC và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp trong lực lượng Công an nhân dân.

- Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ CCHC nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ thực hiện tiếp nhận hồ sơ, giải quyết hồ sơ TTHC chuyên nghiệp, nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ, có bản lĩnh chiến đấu cao, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hết lòng phục vụ Nhân dân. Cải cách bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tăng cường phân công, phân cấp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho lực lượng Công an ở cơ sở.

- Vận hành có hiệu quả hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thường xuyên thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”, bảo đảm dữ liệu dân cư chính xác trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, các hệ thống và phần mềm phục vụ công tác CCHC theo chỉ đạo của Bộ Công an.

10. Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Công ty Điện lực Bắc Ninh

Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong thực hiện các TTHC; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC. Duy trì tốt việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

11. Bưu điện tỉnh

- Chủ động phối hợp với các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh trong thực hiện các dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh. Nâng cấp, trang bị cơ sở vật chất thiết yếu để tất cả các bưu cục, đặc biệt là Bưu điện văn hóa xã đều có thể kết nối thông tin để triển khai việc tiếp nhận hồ sơ TTHC của người dân, chuyển lên cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã. Bố trí nhân lực nhằm phục vụ, hướng dẫn người dân trong việc nộp hồ sơ trực tuyến tại các điểm bưu điện văn hóa xã; cung cấp dịch vụ bưu chính công ích trong tiếp nhận và trả kết quả TTHC.

- Bố trí đội ngũ là điều tra viên có trình độ, năng lực, kinh nghiệm để triển khai điều tra, khảo sát theo đề nghị của các cơ quan hành chính, đặc biệt là điều tra đánh giá Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

12. Báo và Phát thanh, Truyền hình Bắc Ninh

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các nội dung, nhiệm vụ của công tác CCHC; chú trọng biểu dương các điển hình, mô hình, sáng kiến, giải pháp hiệu quả; tiếp nhận ý kiến phản ánh, phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về CCHC của tỉnh để chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Xây dựng mạng lưới cộng tác viên trong công tác tuyên truyền, bảo đảm thông tin đa dạng, phong phú, kịp thời, chính xác. Thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo điều hành, kết quả triển khai công tác CCHC trên các ấn phẩm của Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh; đa dạng hóa các thể loại tin, bài, ảnh, clip,... Trung bình mỗi tháng thực hiện ít nhất 01 tin/bài viết chuyên đề CCHC trên báo in, báo hình, báo điện tử với các nội dung về kết quả triển khai nhiệm vụ CCHC ở các sở, ngành, địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; các cơ quan, đơn vị chủ động phối hợp, triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung Kế hoạch và phù hợp với tình hình thực tiễn; nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- Bưu điện tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PT-TH tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, ban, đơn vị;
- + TTTT;
- Lưu: VT, NC.Linh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

Phụ lục
KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TU NGÀY 30/01/2026
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VỀ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH BẮC NINH
GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /03/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Ghi chú
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH							
1	1.1. Mục tiêu 1: Nâng cao trách nhiệm của các Sở, cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ CCHC	2.1. Nhiệm vụ 1: Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng Sở, cơ quan, đơn vị, địa phương	3.1. Hoạt động 1: Ban hành Kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các sở, cơ quan có liên quan	Hằng năm	
2			3.2. Hoạt động 2: Ban hành Kế hoạch CCHC hằng năm của các sở, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch	Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND cấp xã		Hằng năm	
3		2.2. Nhiệm vụ 2: Thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả công tác CCHC đối với các sở, ngành, UBND cấp xã	3.3. Hoạt động 3: Triển khai đánh giá kết quả công tác CCHC đối với các sở, ngành, UBND cấp xã	Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, cơ quan có liên quan	Hằng năm	
4		2.3. Nhiệm vụ 3: Tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác CCHC	3.4. Hoạt động 4: Tổ chức hội nghị tập huấn, các đoàn học tập, nghiên cứu về CCHC	Các lớp, hội nghị tập huấn; các đoàn học tập, nghiên cứu	Sở Nội vụ	Các sở, cơ quan có liên quan	2026-2030	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
5	1.2. Mục tiêu 2: Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về CCHC của tỉnh, của các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã	2.4. Nhiệm vụ 4: Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC và triển khai thực hiện	3.5. Hoạt động 5: Ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC tỉnh Bắc Ninh hàng năm	Kế hoạch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, cơ quan có liên quan	Hàng năm	
6			3.6. Hoạt động 6: Lựa chọn một số nội dung trọng tâm tuyên truyền về công tác CCHC trên địa bàn tỉnh	Phóng sự/tin,bài...	Sở Nội vụ	Báo và PTTH tỉnh	Thường xuyên	
7			3.7. Hoạt động 7: Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về công tác CCHC hàng năm của Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch	Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND cấp xã		Hàng năm	
8		2.5. Nhiệm vụ 5: Tăng cường hoạt động của chuyên mục CCHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh	3.8. Hoạt động 8: Thường xuyên đăng các tin bài tuyên truyền về công tác CCHC, cải cách TTHC của tỉnh	Các tin bài	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên	
9	1.3. Mục tiêu 3: Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra CCHC, kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp	2.6. Nhiệm vụ 6: Ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC	3.9. Hoạt động 9: Ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC tỉnh Bắc Ninh hàng năm	Kế hoạch (có thể lồng trong Kế hoạch kiểm tra của Ban Chỉ đạo)	Sở Nội vụ	Các sở, cơ quan có liên quan	Hàng năm	
10	1.4. Mục tiêu 4: Chỉ số PAR Index tỉnh Bắc Ninh	2.7. Nhiệm vụ 7: Nâng cao hiệu quả công tác	3.10. Hoạt động 10: Triển khai tự đánh	Công văn	Sở Nội vụ	Các sở, cơ quan có liên	Hàng năm	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
	đến năm 2030 xếp trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước.	CCHC	giá xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh			quan		
11			3.11. Hoạt động 11: Hàng năm ban hành Kế hoạch cải thiện nâng cao Chỉ số CCHC (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS) cấp tỉnh	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các sở, cơ quan có liên quan	Hàng năm	
12			3.12. Hoạt động 12: Triển khai việc đăng ký, nhân rộng các sáng kiến CCHC	Công văn	Sở Nội vụ	Các sở, cơ quan có liên quan	Hàng năm	
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
13	1.1. Mục tiêu 1: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; trong đó tập trung các quy định về: tổ chức, bộ máy; chế độ chính sách, phòng, chống tham nhũng, hoạt động của các doanh nghiệp...	2.1. Nhiệm vụ 1: Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL; trong đó tập trung các quy định về: tổ chức, bộ máy; chế độ chính sách, phòng, chống tham nhũng, hoạt động của các doanh nghiệp... đảm bảo	3.1. Hoạt động 1: Chủ động tham mưu ban hành văn bản QPPL điều chỉnh các nội dung của ngành; trong đó tập trung các quy định về: tổ chức, bộ máy; chế độ chính sách, phòng, chống tham nhũng, hoạt động của các doanh nghiệp...	Nghị quyết/Quyết định	Các Sở, ngành	Sở Tư pháp	Năm 2026 - 2030	
14		tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành của các văn	3.2. Hoạt động 2: Nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự thảo văn bản QPPL,	Báo cáo thẩm định	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành		

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
		bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành; cũng như đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của địa phương.	đảm bảo 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được thẩm định trước khi ban hành, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật và đảm bảo tính khả thi của văn bản QPPL.					
15	1.2. Mục tiêu 2: Gắn việc xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL với việc tăng cường hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; đảm bảo thi hành pháp luật nghiêm minh; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.	2.2. Nhiệm vụ 2: Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch tổ chức và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý. Tăng cường hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác tổ chức và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh và việc thực hiện kiến nghị, xử lý kết quả sau theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.	3.3. Hoạt động 3: Xây dựng, ban hành Kế hoạch, Báo cáo tổ chức và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch/ Báo cáo kết quả tổ chức và theo dõi, đánh giá thi hành văn bản quy phạm pháp luật. - Các đợt kiểm tra/ Thông báo kết luận kiểm tra/Báo cáo kết quả theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong từng lĩnh vực được lựa chọn theo Kế hoạch.	- Sở Tư pháp (đối với Kế hoạch tổ chức và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh) - Các Sở, ngành, UBND cấp xã (đối với Kế hoạch tổ chức và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý)	Các Sở, ngành; UBND cấp xã có liên quan	2026 – 2030	
16			3.4. Hoạt động 4: Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra	Các hướng dẫn, đôn đốc/Văn bản hướng dẫn	Sở Tư pháp, UBND cấp xã	Các Sở, ngành, UBND cấp xã có liên quan		

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
			việc thực hiện công tác theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh và việc thực hiện kiến nghị, xử lý kết quả sau theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân	đơn đốc/Thông báo kết quả kiểm tra/Báo cáo kết quả xử lý				
17			3.5. Hoạt động 5: Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.	Các Cổng thông tin điện tử, Công thông tin phổ biến giáo dục pháp luật tiếp tục được duy trì, vận hành; các ứng dụng mạng xã hội	Các Sở, ngành; UBND cấp xã	Các Sở, ngành; UBND cấp xã có liên quan		
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)							
18	1.1. Mục tiêu 1: Cải cách quy định TTHC	2.1. Nhiệm vụ 1: Kiểm soát chặt chẽ quy định TTHC ngay từ khâu dự thảo văn bản QPPL, bảo đảm TTHC mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện	3.1. Hoạt động 1: Thực hiện đánh giá tác động TTHC khi xây dựng dự thảo văn bản QPPL có TTHC	Báo cáo đánh giá tác động TTHC	Cơ quan chủ trì xây dựng văn bản QPPL		Thường xuyên	
19			3.2. Hoạt động 2: kiểm soát các quy định về TTHC tại	Văn bản thẩm định	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Thường xuyên	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
			các văn bản QPPL					
20	1.2. Mục tiêu 2: 100% TTHC, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 80% trở lên.	2.2. Nhiệm vụ 2: Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh	3.3. Hoạt động 3: Rà soát, đánh giá, lập danh mục TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	- Năm 2026: 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến; - Giai đoạn 2028-2030, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 80% trở lên.	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	2026-2030	
21			3.4. Nhiệm vụ 4: Mở rộng hạ tầng, tiện ích thanh toán điện tử trong cung cấp dịch vụ công; kết nối đồng bộ với các hệ thống tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán	Đa dạng hình thức thanh toán trực tuyến	Văn phòng UBND tỉnh		2026-2030	
22	1.3. Mục tiêu 3: Giai đoạn 2026-2027, 100% TTHC của địa phương có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến và rà soát, tái cấu trúc quy trình tối ưu hoá quy trình giải quyết tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Giai đoạn 2028-2030, tỷ lệ hồ sơ	2.3. Nhiệm vụ 3: Thực hiện kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa một cửa liên thông	3.5. Hoạt động 5: Thực hiện rà soát, tái cấu trúc quy trình TTHC xây dựng dịch vụ công trực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị	- Quyết định công bố danh mục DVC trực tuyến; - Tích hợp, trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Hồ sơ tiếp nhận và xử lý trên môi trường điện tử.	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	2026-2030	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
	giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%							
23			3.6. Hoạt động 6: Thực hiện số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định	Dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa, cập nhật	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	2026-2030	
24			3.7. Hoạt động 7: Ban hành các văn bản chỉ đạo về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch quy trình giải quyết TTHC	Công văn chỉ đạo	Văn phòng UBND tỉnh		Thường xuyên	
25	1.4. Mục tiêu 4: 100% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực danh danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở.	2.4. Nhiệm vụ 4: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án 06/CP	3.8. Hoạt động 8: Thường xuyên thu thập, cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu dân cư cho công dân đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống"	Thông tin của người dân, doanh nghiệp được xác thực định danh điện tử thông suốt	Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành; UBND cấp xã; Công an cấp xã	2026-2030	
26	1.5. Mục tiêu 5: Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai,	2.5. Nhiệm vụ 5: Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng,	3.9. Hoạt động 9: Thường xuyên rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu	Quyết định đơn giản hóa TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
	xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.	gây khó khăn cho người dân, tổ chức; bãi bỏ hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.	thuần, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không rõ ràng					
27		2.6. Nhiệm vụ 6: Văn bản triển khai việc tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC	3.10. Hoạt động 10: Thu thập, tổng hợp, xử lý ý kiến đánh giá việc giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức	Kết quả đánh giá mức độ hài lòng việc giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp xã	2026-2030	
28		2.7. Nhiệm vụ 7: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện TTHC, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành	3.11. Hoạt động 11: Thực hiện phân cấp, phân quyền trong thực hiện TTHC	Quyết định phân cấp, ủy quyền	Các sở, ngành	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp	2026-2030	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY							
29	1.1. Mục tiêu 1: Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã	2.1. Nhiệm vụ 1: Tham mưu ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của	3.1. Hoạt động 1: Rà soát, tham mưu UBND ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ,	Quyết định của UBND tỉnh	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và UBND cấp	Sở Nội vụ	Thường xuyên	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
		các sở, cơ quan (khi có thay đổi)	quyền hạn của các sở, cơ quan hoặc quyết định điều chỉnh (nếu có)		xã			
30		2.2. Nhiệm vụ 2: Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	3.2. Hoạt động 2: Sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng tương đồng hoặc quy mô quá nhỏ để tinh gọn bộ máy bên trong Sở, ngành.	Quyết định của UBND tỉnh	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã	Sở Nội vụ	2026-2030	
31	1.2. Mục tiêu 2: Sắp xếp, tinh gọn đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở (<i>chủ yếu ở lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác</i>) bảo đảm tiêu chí, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	2.3. Nhiệm vụ 3: Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp hàng năm	3.3. Hoạt động 3: Trên cơ sở báo cáo và kế hoạch xây dựng biên chế hàng năm của các đơn vị gửi, Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định, báo cáo, trình UBND tỉnh quyết định	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	2026-2030	
32		2.4. Nhiệm vụ 4: Sắp xếp, tinh gọn đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở (<i>chủ yếu ở lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác</i>) bảo đảm tiêu chí, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ	3.4. Hoạt động 4: Xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh về Sắp xếp, tinh gọn đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh (<i>chủ yếu ở lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác</i>)	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh	Năm 2026	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
		Chính trị.						
33	1.3. Mục tiêu 3: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền triệt để giữa cấp tỉnh, cấp xã, các sở, ngành	2.5. Nhiệm vụ 5: Rà soát, tiếp tục phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	3.5. Hoạt động 5: Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	Quyết định phân cấp, ủy quyền	Các sở, ngành, và UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp	2026-2030	
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ							
34	1.1. Mục tiêu 1: Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bộ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước	2.1. Nhiệm vụ 1: Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm	3.1. Hoạt động 1: Xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các xã, phường; các ĐVSN công lập	Hằng năm	
35	1.2. Mục tiêu 2: Nâng cao hiệu quả quản lý hồ sơ trên phần mềm quản lý hồ sơ điện tử	2.2. Nhiệm vụ 2: Nâng cấp, sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức	3.2. Hoạt động 2: Nâng cấp phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Văn bản, báo cáo	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các xã, phường; các ĐVSN công lập	Theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ	
36			3.3. Hoạt động 3: Sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Văn bản, báo cáo	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các xã, phường; các ĐVSN công lập	Thường xuyên	
37	1.3. Mục tiêu 3: Cán bộ, công chức, viên chức được bố trí đúng quy định vị trí việc làm	2.3. Nhiệm vụ 3: Ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc	3.4. Hoạt động 4: Hướng dẫn xây dựng Đề án vị trí việc làm	Công văn, Hội nghị	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các xã, phường; các ĐVSN công	Theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
		làm				lập		
38			3.5. Hoạt động 5: Ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm	Công văn, Tờ trình, Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các xã, phường; các ĐVSN công lập	Thường xuyên	
39	1.4. Mục tiêu 4: 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp để đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng vị trí việc làm	2.4. Nhiệm vụ 4: Mở các lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp để đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng vị trí việc làm	3.6. Hoạt động 6: Triển khai tổ chức các lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch	Kế hoạch bồi dưỡng hàng năm	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các xã, phường; các ĐVSN công lập	Thường xuyên	
40		2.5. Nhiệm vụ 5: Trao đổi học tập kinh nghiệm	3.7. Hoạt động 7: Tổ chức hoặc tham gia các Đoàn trao đổi học tập kinh nghiệm	Công văn/Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, các xã, phường; các ĐVSN công lập	Thường xuyên	
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							
41	1.1. Mục tiêu 1: Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo.	2.1. Nhiệm vụ 1: Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị	3.1. Hoạt động 1: Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hợp lý trên cơ sở triệt để tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, công khai tài chính và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan.	Báo cáo	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
		định số 130/2005/NĐ-CP						
42		2.2. Nhiệm vụ 2: Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước; thực hiện tốt quy định về quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí.	3.2. Hoạt động 2: Xét duyệt dự toán, điều chỉnh, quyết toán ngân sách nhà nước; quyết toán vốn đầu tư công hàng năm theo chế độ, chính sách hiện hành	Thông báo	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm	
43			3.3. Hoạt động 3: Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước; công khai tài chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí.	Báo cáo/Công văn	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm	
44		2.3. Nhiệm vụ 3: Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN gắn với mục tiêu về tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển bền vững	3.4. Hoạt động 4: Tăng cường kiểm tra việc thực hiện ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành	Báo cáo/Công văn	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm	
45			3.5. Hoạt động 5: Thực hiện các kiến	Báo cáo/Công văn	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	2026-2030	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
			ngợi sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách					
46		2.4. Nhiệm vụ 4: Xây dựng Kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030	3.6. Hoạt động 6: Xây dựng Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình MTQG giai đoạn 2026-2030, giữa Chương trình MTQG giai đoạn 2026-2030 và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Quyết định	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	2026-2030	
47			3.7. Hoạt động 7: Xây dựng Quy định về tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030.	Quyết định	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	2026-2030	
48			3.8. Hoạt động 8: Điều chỉnh kế hoạch vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững và CTMTQG nông thôn mới, CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc	Quyết định	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	2026-2030	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
			thiếu số và miền núi.					
49	1.2. Mục tiêu 2: Hoàn thiện hệ thống pháp luật để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước theo hướng tích cực; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị.	2.5. Nhiệm vụ 5: Tăng cường phân cấp để các địa phương có điều kiện cân đối ngân sách và chủ động thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn, hạn chế bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.	3.9. Hoạt động 9: Triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030	Nghị quyết, Công văn, báo cáo	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	2026-2030	
50		2.6. Nhiệm vụ 6: Hoàn thiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	3.10. Hoạt động 10: Đẩy mạnh giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026-2030 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ ban hành sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp	Nghị quyết, Quyết định	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	2026-2030	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
			công lập.					
51			3.11. Hoạt động 11: Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.	Nghị quyết	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	2026-2030	
52		2.7. Nhiệm vụ 7: Xây dựng định mức phân bổ dự toán NSNN giai đoạn năm 2026-2030 phù hợp khả năng cân đối NSNN và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.	3.12. Hoạt động 12: Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh.	Nghị quyết	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm	
53	1.3. Mục tiêu 3: Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp	2.8. Nhiệm vụ 8: Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh	3.13. Hoạt động 13: Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu	Quyết định, Kế hoạch	Sở Tài chính	Các Sở, ngành có liên quan	2026-2030	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
		ngành; nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nhà nước.	tư tại doanh nghiệp					
54			3.14. Hoạt động 14: Chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần đối với những đơn vị đủ điều kiện	Quyết định	Sở Tài chính	Các Sở, ngành có liên quan	2026-2030	
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ							
55	1.1. Mục tiêu 1: Đến năm 2030, Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh đạt 0,75 điểm	2.1. Nhiệm vụ 1: Xây dựng cơ chế, chính sách	3.1. Hoạt động 1: Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 07-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Kế hoạch UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	2030	
56			3.2. Hoạt động 2: Xây dựng và triển khai Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Ninh. Thực	Quyết định ban hành Bộ chỉ số của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã	2026-2030	

STT	1- Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/ Sản phẩm	5-Chủ trì	6-Phối hợp	7-Thời gian	8- Ghi chú
			hiện đánh giá, công bố kết quả hàng năm					
57	1.2. Mục tiêu 2: Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh đạt 100%	2.2. Nhiệm vụ 2: Phát triển hạ tầng	3.3. Hoạt động 3: Xây dựng các trạm thông tin di động 5G	Hạ tầng trạm thông tin di động 5G được hoàn thiện	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ngành; UBND cấp xã	2026-2030	
58	1.3. Mục tiêu 3: 80% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.	2.3. Nhiệm vụ 3: Phát triển ứng dụng, nền tảng số	3.4. Hoạt động 4: Xây dựng Đề án cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin dùng chung cho toàn tỉnh Bắc Ninh	Đề án được phê duyệt, triển khai hiệu quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND cấp xã	2026-2030	